

Ngày 23 - 11 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trần Duy Phương.

2. Bà Đinh Thị Tuyết

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 298/2020/TLPT-HS ngày 13 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim H phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ, quan tổ chức”, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 228/2020/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Bị cáo có kháng cáo:***

Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim H**; sinh ngày 06/02/1976 tại tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nữ; nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố C, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1947; chồng là Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2000. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Kim H và chị H'N Niê, là bạn bè quen biết ngoài xã hội. Trong thời gian quen biết, H nhiều lần cho chị H'N vay với tổng số tiền là 150.000.000 đồng. Do thấy không có khả năng trả được tiền cho H, nên chị H'N nảy sinh ý định thế chấp quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Xã M, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cho ngân hàng để vay số tiền 200.000.000 đồng, trả nợ cho H và tiêu xài cá nhân. Nhưng do gia đình chị H'N thuộc trường hợp nợ xấu ngân hàng và qua tìm hiểu chị H'N biết được các trường hợp người có nợ xấu thì ngân hàng sẽ không cho vay tiền. Do vậy, vào khoảng đầu tháng 6/2019 chị H'N cùng chồng là anh Y M Ayũn đến gặp H nhờ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 332893, do UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/11/2018 cho gia đình chị H'N, để thế chấp vay tiền ngân hàng. Do cũng đang thuộc trường hợp nợ xấu ngân hàng, nên H nói để nhờ con rể là Trương Đình Q vay giúp. Thì vợ chồng chị H'N đồng ý làm thủ tục chuyển nhượng lô đất trên sang cho Q để thế chấp ngân hàng và hứa nếu vay được tiền thì ngoài việc trả nợ sẽ cho H thêm số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó, H nói cho Q biết sự việc trên, thì Q nói cũng bị nợ xấu Ngân hàng không thể vay được tiền, nghe vậy H không hỏi gì thêm. Vào một ngày vào khoảng giữa tháng 6/2019, khi H đi uống cà phê tại địa bàn thành phố M, thì gặp người quen tên là Mỹ L và bạn của L tên là H1 (đều không rõ nhân thân, lai lịch). H nói cho Mỹ L biết việc H đang bị nợ xấu ngân hàng không vay được tiền. Nghe vậy, H1 nói chỉ cần làm giả chứng minh nhân dân bằng cách thay đổi số trong chứng minh nhân dân là vay được tiền, rồi nói H đi mua Sim điện thoại khác (loại Sim rác) để liên lạc với người làm giấy tờ giả. H đồng ý và mua 01 Sim điện thoại đưa cho H1 (không rõ số thuê bao), H1 lắp chiếc Sim điện thoại H đưa vào máy điện thoại của H1 rồi liên lạc với người làm giấy tờ giả và đưa điện thoại cho H nói chuyện với một người đàn ông (không rõ lai lịch). Sau khi nghe H nói về việc đang bị nợ xấu nhưng muốn vay tiền ngân hàng, thì người này nói H phải làm giả chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, đồng thời nói giá làm giả các loại giấy tờ trên là 5.000.000 đồng. Sau đó, H1 nói nếu H đồng ý làm giấy tờ giả thì liên lạc với Mỹ L, rồi Mỹ L sẽ liên lạc với H1. Chiều cùng ngày, H về lại thị xã B và mượn của Q 01 sổ hộ khẩu (ghi tên chủ hộ Trương Phúc V, là cha ruột của Q), 01 chứng minh nhân dân của Q (số 241557977), H nói dối với Q là mượn để xem Q có vay được Ngân hàng không, rồi H sử dụng chiếc điện thoại di động hiệu Nokia gọi điện thoại cho Mỹ L nói về việc đồng ý làm các loại giấy tờ như đã thỏa thuận. Khoảng 09 giờ ngày hôm sau, H nhận được cuộc gọi điện thoại của một người đàn ông nói đưa chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu ra trước siêu thị Coop Mart, thị xã B. Khi đến địa điểm trên, H gặp và đưa sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân mượn của Q cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) ngồi trong xe ô tô màu đen (không rõ biển số), sau đó người này bỏ đi. Ngày hôm sau, H nhận được điện thoại hẹn đến khu vực siêu thị Coop Mart, thị xã B để

lấy giấy tờ, H đi đến chỗ hẹn thì gặp lại người đàn ông trên và nhận từ người này 01 Chứng minh nhân dân số 241557955 ghi tên Trương Đình Q, 01 sổ Hộ khẩu có bìa màu đỏ ghi tên chủ hộ Trương Phúc V và 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ghi tên Trương Đình Q, cùng sổ Hộ khẩu và Chứng minh nhân dân của Q mà H đã đưa cho người này trước đó. H trả tiền công cho người này 5.000.000 đồng rồi đi về. Ngày 21/6/2019, H sử dụng các loại giấy tờ giả trên cùng với Q, chị H'N và anh Y M đến Phòng Công chứng số 3 tỉnh Đắk Lắk lập hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất số CC 332893, do UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/11/2018, tại địa chỉ: Xã M, huyện C, tỉnh Đắk Lắk từ vợ chồng chị H'N sang cho Q. Do không biết các loại giấy tờ H sử dụng là giả, nên Phòng Công chứng đã chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên. Sau đó, H nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Đắk Lắk để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 27/6/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk đã cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CQ548510 cho Trương Đình Q (ghi số chứng minh nhân dân 241557955 là số trên giấy chứng minh nhân dân giả H thuê làm). Khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, H liên hệ nhân viên Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Sea Bank) Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk, trụ sở tại địa chỉ: 35- 37 Phan Chu Trinh, thành phố M, làm thủ tục thế chấp Quyền sử dụng đất số CQ548510 để vay tiền và được cán bộ ngân hàng là anh Đào Xuân T thẩm định, kiểm tra thực tế lô đất, đồng ý cho vay số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 16/7/2019, anh T cùng với H và Q đến Văn phòng Công chứng X, địa chỉ: 252 Lê D, phường T, thành phố M để lập hợp đồng thế chấp vay vốn ngân hàng. Tại đây, H đưa cho Q 01 bìa nilon bên trong có giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CQ548510 và các giấy tờ giả gồm: Sổ Hộ khẩu, Chứng minh nhân dân, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để Q làm thủ tục lập và công chứng hợp đồng thế chấp vay vốn ngân hàng. Q đưa bìa nilon đựng các giấy tờ trên cho chị Nguyễn Thị P, là nhân viên Văn phòng Công chứng để làm thủ tục công chứng. Do nghi ngờ các giấy tờ trên là giả, nên Văn phòng Công chứng đã trình báo sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố M. Sau khi tiếp nhận thông tin, Cơ quan điều tra đã tiến hành lập biên bản tạm giữ: 01 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ548510 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, cấp ngày 27/6/2019 ghi người sử dụng tên Trương Đình Q; 01 sổ Hộ khẩu không số (số hồ sơ S940) ghi tên chủ hộ Trương Phúc V, sinh năm 1968, trú tại: Tổ dân phố 7, phường N, thành phố M; 01 Chứng minh nhân dân số 241557955 ghi do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 12/6/2019 và tên Trương Đình Q; 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ghi do UBND phường N, thành phố M cấp ngày 09/7/2019 để phục vụ công tác điều tra.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trưng cầu giám định “phôi giấy, hình dấu tròn và chữ ký, chữ viết” trong các tài liệu đã tạm giữ nêu trên. Tại bản kết luận giám định số 834/PC09, ngày 19/11/2019 của Phòng PC09 Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

- Phôi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ548510 (kí hiệu A1) so với phôi Giấy của giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS004300 mẫu so sánh (kí hiệu M1), là cùng một loại phôi.

- Phôi giấy Chứng minh nhân dân số 241557955 (kí hiệu A2) so với Phôi giấy Chứng minh nhân dân in 2019 mẫu so sánh (kí hiệu M3), là không phải cùng loại phôi.

- Phôi sổ Hộ khẩu không số ghi tên chủ hộ Trương Phúc V và do Công an thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 26/11/2018 (kí hiệu A3) so với phôi sổ Hộ khẩu theo mẫu HK08 ban hành theo thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 mẫu so sánh (kí hiệu M5), là không phải cùng một loại phôi.

- Hình dấu có nội dung “CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM ★ TỈNH ĐẮK LẮK ★ SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trong tài liệu cần giám định (kí hiệu A1) so với mẫu dấu có cùng nội dung trong tài liệu mẫu so sánh (kí hiệu M2), là do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu có nội dung “CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM ★ CÔNG AN TỈNH ĐẮK LẮK ★” trong tài liệu cần giám định (Chứng minh nhân dân số 241557955, kí hiệu A2) so với hình dấu có cùng nội dung trong tài liệu mẫu so sánh (kí hiệu M4), là không phải cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu có nội dung “CÔNG AN TỈNH ĐẮK LẮK ★ CÔNG AN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT ★” trong tài liệu cần giám định (kí hiệu A3) so với hình dấu có cùng nội dung trong tài liệu mẫu so sánh (kí hiệu M6), là không phải cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu có nội dung “U B N D PHƯỜNG THÀNH NHẤT TP. BUÔN MA THUẬT – T. ĐẮK LẮK ★” trong tài liệu cần giám định (kí hiệu A4) so với hình dấu có cùng nội dung trong tài liệu mẫu so sánh (kí hiệu M8), là không phải cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký đứng tên Phan Khắc H trong tài liệu cần giám định (kí hiệu A1) so với chữ ký đứng tên Phan Khắc H trong tài liệu so sánh (kí hiệu M2) là do cùng một người ký ra.

- Dấu chữ ký đứng tên Vũ Hồng V trong tài liệu cần giám định (kí hiệu A2) so với dấu chữ ký đứng tên Vũ Hồng V trong tài liệu so sánh (kí hiệu M4), là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn C trong tài liệu cần giám định (kí hiệu A3) so với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn C trong tài liệu so sánh (kí hiệu M6), là không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Bích D trong tài liệu cần giám định (kí hiệu A3) so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Bích D trong tài liệu so sánh (kí hiệu M7), là không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Lê Thị L trong tài liệu cần giám định (kí hiệu A4) so với chữ ký đứng tên Lê Thị L trong tài liệu so sánh (kí hiệu M8), là không phải do cùng một người ký ra.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 228/2020/HS-ST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Kim H phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thị Kim H: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo và các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/8/2020 bị cáo Nguyễn Thị Kim H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị Kim H vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Kim H đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên. Bị cáo cho rằng: Do muốn thu hồi được nợ nên khi nghe vợ chồng chị H’Ngoan nhờ đứng tên bìa đỏ để vay tiền thì bị cáo đồng ý ngay. Tuy nhiên, sau khi biết bị cáo đang nợ xấu Ngân hàng nên bị cáo đã nhờ và mượn giấy tờ của con rể sau đó nhờ người khác làm giả giấy tờ để sử dụng vay Ngân hàng nhưng chưa vay được thì bị phát hiện.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi, hậu quả của bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị Kim H về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 2 Điều 341 BLHS năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim H là thỏa đáng, phù hợp.

Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk thấy rằng: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; có hoàn cảnh gia đình thật sự khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm thể hiện sự ăn năn hối cải. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim H 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Hồng không tranh luận, bào chữa gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị Nguyễn Thị Kim H tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, nên vào tháng 6 năm 2019, tại địa bàn thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Thị Kim H đã thuê người khác làm giả 01 sổ Hộ khẩu; 01 Chứng minh nhân dân và 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Sau đó, bị cáo sử dụng các giấy tờ giả này lừa dối cơ quan chức năng để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Đến ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại địa chỉ: 252 Lê Duẩn, phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, bị cáo Hồng định sử dụng các giấy tờ, tài liệu giả trên để lập hợp đồng thế chấp vay tiền Ngân hàng, thì bị phát hiện xử lý. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị Kim H về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 2 Điều 341 BLHS năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo thấy rằng: Mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của Bị cáo H. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Thị Kim H có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thật thà khai báo và thật sự ăn năn hối

cải về hành vi phạm tội của mình. Vợ chồng bị cáo đều làm thuê, có hoàn cảnh thực sự khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đồng thời, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo Hồng có nơi cư trú rõ ràng, nếu cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội thì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 65 BLHS 2015, Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS về án treo thì Bị cáo H đủ điều kiện để được hưởng án treo nên cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do được chấp nhận đơn kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Thị Kim H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim H. Sửa Bản án sơ thẩm số: 228/2020/HS-ST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim H.

[2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt Nguyễn Thị Kim H: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm

Giao bị cáo Nguyễn Thị Kim H cho UBND phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp Bị cáo H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp

hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Kim H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp cao
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Công an thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố M;
- UBND phường A, thị xã B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức